

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp KNA, xã LT, huyện TT, tỉnh ST. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp M, xã VT, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2021 do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có một người con chung là Nguyễn Yên N, sinh ngày 13/10/2014, hiện đang sống với anh P. Chị C yêu cầu giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập họp lệ Nều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PLphát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị C được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 13/10/2014 cho anh P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị C có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, anh P đang cư trú trên địa bàn huyện PLnên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PLthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị C và anh P là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị C và anh P tự nguyện sống chung từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh P là hôn nhân hợp pháp. Tuy Nều, chị C và anh P đã ly thân từ năm 2021, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị C và anh P không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập anh P họp lệ Nều lần nhưng anh P vẫn không đến, như vậy anh P đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị C và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị C thì chị C và anh P có một người con chung là Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/10/2014, hiện đang sống với anh P. Chị C yêu cầu giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi. Anh P đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu giao con chung của chị C nhưng anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Xét thấy, cháu N sống cùng với anh P từ khi chị C và anh P ly thân đến nay và chị C cũng thừa nhận, hiện tại cháu N phát triển tốt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/10/2014 cho anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Chị C phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Anh P không phải chịu chi phí tố tụng.

[9] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/10/2014 cho anh Nguyễn Hoàng P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng:

- Buộc chị C chịu chi phí thông báo trên P tiện thông tin đại chúng số tiền 3.044.000 đồng, chị C đã nộp số tiền 5.000.000 đồng, chuyển thu số tiền 3.044.000 đồng, chị C đã nhận lại 1.956.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện PLxong.

- Anh P không phải chịu chi phí tố tụng.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012554 ngày 16/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Hoàng P không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Như